

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/DS-PT

Ngày: 25-6-2019

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Thảo

Các thẩm phán: Bà Đinh Thị Quý Chi

Ông Nguyễn Đình Loan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*
Ông Bùi Văn Thi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 tháng 6 năm 2019 và ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2019/TLPT-DS ngày 26/3/2019 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐ-PT ngày 04/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2019/QĐ-ST ngày 21/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP Đ.

Trụ sở chính: Số 130 Phan Đăng Lưu, Q. P, Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ chi nhánh: Số A 25-A1, đường Hùng Vương, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lê Thị Như B– Nhân viên

**Bị đơn:*

1. Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1977

Trú tại: Số 16B, tổ 39, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

2. Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1972

Trú tại: Số 43/2c, Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước

3. Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1967

Trú tại: Số nhà 48, ĐT 741, ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

4. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1976

Trú tại: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước

5. Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1968

Trú tại: Số 07, tổ 29, ấp M, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

6. Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1966

Trú tại: Số 11, tổ 43, Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

7. Bà **Lê Thị Nh**, sinh năm 1979

Trú tại: Tổ 45, Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

8. Bà **Bùi Thúy H**, sinh năm 1976

Trú tại: Số 6a, tổ 43, Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

9. Bà **Tạ Thị Nh**, sinh năm 1977

Trú tại: Tổ 41, Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

10. Bà **Nguyễn Thị Kh**, sinh năm 1964

Trú tại: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

11. Ông **Phạm Anh T**, sinh năm 1962

Trú tại: Tổ 24, ấp M, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

12. Bà **Hạp Thị L**, sinh năm 1974

Trú tại: Ấp 3, xã T, TP. Đ, tỉnh Bình Phước.

13. Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1975

Trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

14. Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1969

Trú tại: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

15. Bà **Đào Thị H**, sinh năm 1971

Trú tại: Số nhà 04, tổ 14, ấp Minh H, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ công tác: Các bị đơn nói trên cùng công tác tại Trường tiểu học xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

16. Bà **Lê Thị D**, sinh năm 1976;

Trú tại: Khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ công tác: Trường tiểu học T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Vương Thị B**, sinh năm 1959

Trú tại: Số 11, tổ 31, Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

2. **Trường tiểu học T**: Đại diện theo pháp luật: Hiệu Trưởng;

Địa chỉ: Xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

3. Công đoàn Trường tiểu học T

Địa chỉ: Xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

4. Bà **Trần Thị Thu L**, sinh năm 1970

Nơi cư trú cuối cùng: Ấp 3, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

* *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Lê Thị D, bà Đào Thị H, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị D, bà Hạp Thị L, bà Nguyễn Thị Kh, bà Tạ Thị Nh, bà Bùi Thúy H, bà Lê Thị Nh, bà Phạm Thị H, bà Lê Thị H, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Th, bà Phạm Thị L, bà Nguyễn Thị X, ông Phạm Anh T.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 19/6/2013, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên tòa của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, với nội dung:

Vào các năm từ 2006 đến 2008 Ngân hàng TMCP Đ (gọi tắt là Ngân hàng Đ) có cho các đồng bị đơn là các giáo viên Trường tiểu học T vay vốn, hình thức tín chấp trừ lương, cụ thể các khoản vay của các đồng bị đơn như sau:

1. **Bà Bùi Thúy H**: Vào ngày 14/06/2007, bà Bùi Thúy H vay số tiền là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng); Lãi suất: 0.75%/tháng; Thời hạn vay: 24 tháng (từ ngày 14/06/2007 đến ngày 14/06/2009); Mục đích vay: Tiêu dùng; Hình thức thanh toán: Trả góp hàng tháng, mỗi tháng góp 850.000 đồng, tháng cuối góp 510.000 đồng.

Từ tháng 7/2007 đến tháng 04/2008 và từ tháng 11/2008 đến tháng 6/2009, bà H mới thanh toán cho ngân hàng được 18 tháng, với số tiền là: 14.960.000 đồng. Bà H còn thiếu 6 kỳ góp (từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008) với số tiền 5.100.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh.

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thúy H phải thanh toán toàn bộ số tiền góp còn thiếu 5.100.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh tạm tính từ khi kết thúc hợp đồng ngày 14/6/2009 đến ngày 24/12/2018 là 6.579.413 đồng.

2. **Bà Đào Thị H**: Vào ngày 29/01/2008, bà Đào Thị H vay số tiền là: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); Lãi suất: 0.75%/tháng; Thời hạn vay 24 tháng (từ ngày 29/01/2008 đến ngày 29/01/2010); Mục đích vay: Tiêu dùng; Hình thức thanh toán trả góp hàng tháng, mỗi tháng góp 1.500.000 đồng, tháng cuối góp 900.000 đồng.

Từ tháng 02/2008 đến tháng 04/2008 và từ tháng 11/2008 đến tháng 01/2010, bà H mới thanh toán cho Ngân hàng được 18 tháng, với số tiền là: 26.400.000 đồng. Bà H còn thiếu 6 kỳ góp (từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008) với số tiền 9.000.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh.

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đào Thị H phải thanh toán toàn bộ số tiền góp còn thiếu 9.000.000đồng và lãi quá hạn phát sinh tạm tính từ khi kết thúc hợp đồng ngày 29/01/2010 đến ngày 24/12/2018 là 10.850.463 đồng.

3. Bà Phạm Thị H: Vào ngày 25/10/2006, bà Phạm Thị H vay số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); Lãi suất: 0.75%/tháng; Thời hạn vay 24 tháng (từ ngày 25/10/2006 đến ngày 25/10/2008); Mục đích vay: Tiêu dùng; Hình thức thanh toán trả góp hàng tháng, mỗi tháng 750.000 đồng, tháng cuối góp 450.000 đồng;

Từ tháng 11/2006 đến tháng 04/2008, bà H đã thanh toán cho ngân hàng được 18 tháng, với số tiền là: 13.500.000 đồng. Từ tháng 05/2008 đến nay, bà H vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng 06 tháng còn thiếu với số tiền 4.200.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh.

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị H phải thanh toán toàn bộ số tiền góp còn thiếu và lãi quá hạn phát sinh tạm tính từ khi kết thúc hợp đồng ngày 25/10/2018 cho đến ngày 24/12/2018 là 5.772.787 đồng.

4. Bà Phạm Thị L: Vào ngày 06/07/2006, bà Phạm Thị L vay số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); Lãi suất: 0.75%/tháng; Thời hạn vay: 24 tháng (từ ngày 06/07/2006 đến ngày 06/07/2008); Mục đích vay: Tiêu dùng; Hình thức thanh toán trả góp hàng tháng, mỗi tháng góp 740.000đ, tháng cuối góp 680.000đồng.

Từ tháng 08/2006 đến tháng 04/2008, bà L đã trả cho ngân hàng được 21 tháng, với số tiền là: 15.540.000đồng. Bà L còn thiếu số tiền 2.160.000đồng và lãi quá hạn phát sinh.

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị L phải thanh toán toàn bộ số tiền góp còn thiếu 2.160.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh tạm tính từ ngày kết thúc hợp đồng ngày 06/7/2008 đến ngày 24/12/2018 là 3.057.922 đồng.

5. Bà Hạp Thị L: Vào ngày 29/01/2008, bà Hạp Thị L vay số tiền là: 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng); Lãi suất: 0.75%/tháng; Thời hạn vay 24 tháng (từ ngày 29/01/2008 đến ngày 29/01/2010); Mục đích vay: Tiêu dùng; Hình thức thanh toán trả góp hàng tháng, mỗi tháng góp 1.400.000đồng, tháng cuối góp 840.000đồng.

Từ tháng 02/2008 đến tháng 04/2008, bà L thanh toán được 3 kỳ với số tiền mỗi kỳ là 1.400.000đồng. Từ tháng 05/2008 đến tháng 10/2008, bà L không thanh toán cho Ngân hàng. Ngày 16/12/2008, bà L thanh toán được 2 kỳ số tiền là 2.800.000đồng. Ngày 03/06/2009, Bà Trần Thị Thu L đóng cho bà L được 6.660.000 đồng. Như vậy, tổng cộng số tiền bà L đã thanh toán số tiền

13.660.000đồng. Tổng số tiền góp bà L còn thiếu là 19.380.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh.

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hạp Thị L phải thanh toán toàn bộ số tiền góp còn thiếu 19.380.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh tạm tính từ ngày kết thúc hợp đồng ngày 29/01/2010 đến ngày 24/12/2018 là 23.381.942 đồng.

6. Bà Lê Thị D: Vào ngày 29/01/2008, bà Lê Thị D vay số tiền là: 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng); Lãi suất: 0.75%/tháng; Thời hạn vay 24 tháng (từ ngày 29/01/2008 đến ngày 29/01/2010); Mục đích vay: Tiêu dùng; Hình thức thanh toán: Trả góp hàng tháng, mỗi tháng góp 1.200.000đồng, tháng cuối góp 720.000đồng.

Từ tháng 02/2008 đến tháng 04/2008 và từ tháng 11/2008 đến tháng 01/2010 bà D mới thanh toán cho ngân hàng được 18 tháng, với số tiền là: 21.120.000đồng. Bà D còn thiếu 6 tháng (từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008) số tiền là 7.200.000đồng và lãi quá hạn phát sinh.

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị D phải thanh toán toàn bộ số tiền góp còn thiếu 7.200.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh tạm tính từ ngày kết thúc hợp đồng ngày 29/01/2010 đến ngày 24/12/2018 là 8.680.370 đồng.

7. Bà Lê Thị H: Vào ngày 25/10/2006, bà Lê Thị H vay số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng); Lãi suất: 0.75%/tháng; Thời hạn vay là 24 tháng (từ ngày 25/10/2006 đến ngày 25/10/2008); Mục đích vay: Tiêu dùng; Hình thức thanh toán: Trả góp hàng tháng, mỗi tháng góp 600.000đồng, tháng cuối góp 360.000đồng

Từ tháng 11/2006 đến tháng 04/2008, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng được 18 tháng, với số tiền là: 10.800.000 đồng. Bà H còn nợ Ngân hàng 06 tháng với số tiền 3.360.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh.

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị H phải thanh toán toàn bộ số tiền góp còn thiếu 3.360.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh tạm tính từ ngày kết thúc hợp đồng ngày 25/10/2008 đến ngày 24/12/2018 là 4.628.255 đồng.

8. Bà Lê Thị Nh: Vào ngày 14/06/2007, bà Lê Thị Nh vay số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); Lãi suất: 0.75%/tháng; Thời hạn vay: 24 tháng (từ ngày 14/06/2007 đến ngày 14/06/2009); Mục đích vay: Tiêu dùng; Hình thức thanh toán: Trả góp hàng tháng, mỗi tháng góp 750.000đồng, tháng cuối góp 450.000 đồng.

Từ tháng 7/2007 đến tháng 04/2008 và từ tháng 11/2008 đến tháng 6/2009 bà Nh mới thanh toán cho Ngân hàng được 18 tháng, với số tiền là:

13.200.000đồng. Bà Nh còn thiếu 6 tháng (từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008) với số tiền 4.500.000đồng và lãi quá hạn phát sinh.

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Nh phải thanh toán toàn bộ số tiền góp còn thiếu 4.500.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh tạm tính từ ngày kết thúc hợp đồng ngày 14/6/2009 đến ngày 24/12/2018 là 5.805.365 đồng

9. Bà Nguyễn Thị H: Vào ngày 25/10/2006, bà Nguyễn Thị H vay số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng); Lãi suất: 0.75%/tháng; Thời hạn vay: 24 tháng (từ 25/10/2006 đến 25/10/2008); Mục đích vay: Tiêu dùng; Hình thức thanh toán: Trả góp hàng tháng, mỗi tháng góp 600.000 đồng, tháng cuối góp 360.000 đồng.

Từ tháng 11/2006 đến tháng 04/2008, bà H đã thanh toán cho ngân hàng được 18 tháng, với số tiền 10.800.000 đồng. Bà H còn thiếu 6 tháng (từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008) với số tiền 3.360.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh.

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán toàn bộ số tiền góp còn thiếu 3.360.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh tạm tính từ ngày kết thúc hợp đồng ngày 25/10/2008 đến ngày 24/12/2018 là 4.628.255 đồng.

10. Bà Nguyễn Thị Kh: Vào ngày 29/01/2008, bà Nguyễn Thị Kh vay số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); Lãi suất: 0.75%/tháng; Thời hạn vay: 24 tháng (từ 29/01/2008 đến 29/01/2010); Mục đích vay: Tiêu dùng; Hình thức thanh toán: Trả góp hàng tháng, mỗi tháng góp 1.500.000đồng, tháng cuối góp 900.000đồng.

Từ tháng 02/2008 đến tháng 04/2008 và từ tháng 11/2008 đến tháng 01/2010, bà Kh mới thanh toán cho Ngân hàng được 18 tháng, với số tiền là: 26.400.000 đồng. Bà Kh còn thiếu 6 tháng (từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008) với số tiền 9.000.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh.

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kh phải thanh toán toàn bộ số tiền góp còn thiếu 9.000.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh tạm tính từ ngày kết thúc hợp đồng ngày 29/01/2010 đến ngày 24/12/2018 là 10.850.463 đồng.

11. Bà Nguyễn Thị Th: Vào ngày 25/10/2006, bà Nguyễn Thị Th vay số tiền là: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); Lãi suất: 0.75%/tháng; Thời hạn vay: 24 tháng (từ ngày 25/10/2006 đến ngày 25/10/2008); Mục đích vay: Tiêu dùng; Hình thức thanh toán: Trả góp hàng tháng, mỗi tháng góp 750.000 đồng, tháng cuối góp 450.000 đồng

Từ tháng 11/2006 đến tháng 04/2008, bà Th đã thanh toán cho ngân hàng được 18 tháng, với số tiền là: 13.500.000 đồng. Bà Th còn thiếu 6 tháng (từ

tháng 5/2008 đến tháng 10/2008) với số tiền 4.200.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh.

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Th phải thanh toán toàn bộ số tiền góp còn thiếu 4.200.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh tạm tính từ ngày kết thúc hợp đồng ngày 25/10/2008 đến ngày 24/12/2018 là 5.772.787 đồng.

12. Bà Nguyễn Thị X: Vào ngày 29/01/2008, bà Nguyễn Thị X vay số tiền là: 25.000.000 đồng (Mười triệu đồng); Lãi suất: 0.75%/tháng; Thời hạn vay: 24 tháng (từ ngày 29/01/2008 đến ngày 29/01/2010); Mục đích vay: Tiêu dùng; Hình thức thanh toán: Trả góp hàng tháng, mỗi tháng góp 1.250.000 đồng, tháng cuối góp 750.000 đồng.

Từ tháng 02/2008 đến tháng 04/2008 và từ tháng 11/2008 đến tháng 01/2010, bà X mới thanh toán cho Ngân hàng được 18 tháng, với số tiền là: 22.000.000 đồng. Bà X còn thiếu 6 kỳ góp (từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008) với số tiền 7.500.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh.

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị X phải thanh toán toàn bộ số tiền góp còn thiếu 7.500.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh tạm tính từ ngày kết thúc hợp đồng ngày 29/01/2010 đến ngày 24/12/2018 là 9.042.053 đồng.

13. Ông Phạm Anh T: Vào ngày 29/01/2008, ông Phạm Anh T vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); Lãi suất: 0.75%/tháng; Thời hạn vay: 24 tháng (từ ngày 29/01/2008 đến ngày 29/01/2010); Mục đích vay: Tiêu dùng; Hình thức thanh toán: Trả góp hàng tháng, mỗi tháng góp 500.000 đồng, tháng cuối góp 300.000 đồng.

Từ tháng 02/2008 đến tháng 04/2008 và từ tháng 11/2008 đến tháng 01/2010, ông T mới thanh toán cho Ngân hàng được 18 tháng, với số tiền là: 8.800.000 đồng. Ông T còn thiếu 6 kỳ góp (từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008) với số tiền 3.000.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh.

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Anh T phải thanh toán toàn bộ số tiền góp còn thiếu 3.000.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh tạm tính từ ngày kết thúc hợp đồng ngày 29/01/2010 đến ngày 24/12/2018 là 3.616.821 đồng.

14. Bà Tạ Thị Nh: Ngày 14/06/2007, bà Tạ Thị Nh vay số tiền là: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); Lãi suất: 0.75%/tháng; Thời hạn vay: 24 tháng (từ ngày 14/06/2007 đến ngày 14/06/2009); Mục đích vay: Tiêu dùng; Hình thức thanh toán: Trả góp hàng tháng, mỗi tháng góp 750.000 đồng, tháng cuối góp 450.000 đồng.

Từ tháng 7/2007 đến tháng 04/2008 và từ tháng 11/2008 đến tháng 6/2009 bà Nh mới thanh toán cho ngân hàng được 18 tháng, với số tiền 13.200.000

đồng. Bà Nh còn thiếu 6 kỳ góp (từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008) với số tiền 4.500.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh.

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tạ Thị Nh phải thanh toán toàn bộ số tiền góp còn thiếu 4.500.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh tạm tính từ ngày kết thúc hợp đồng ngày 14/6/2009 đến ngày 24/12/2018 là 5.805.365 đồng.

15. Bà Nguyễn Thị X: Vào ngày 25/10/2006, bà Nguyễn Thị X vay số tiền vay là: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); Lãi suất: 0.75%/tháng; Thời hạn vay: 24 tháng (từ ngày 25/10/2006 đến ngày 25/10/2008); Mục đích vay: Tiêu dùng; Hình thức thanh toán: Trả góp hàng tháng, mỗi tháng góp 500.000 đồng, tháng cuối góp 300.000 đồng.

Từ tháng 11/2006 đến tháng 04/2008, bà X đã thanh toán cho Ngân hàng được 18 tháng, với số tiền là: 9.000.000 đồng. Bà X còn thiếu 6 kỳ góp (từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008) với số tiền 2.800.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh.

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị X phải thanh toán toàn bộ số tiền góp còn thiếu 2.800.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh tạm tính từ ngày kết thúc hợp đồng ngày 25/10/2008 đến ngày 24/12/2018 là 3.856.879 đồng.

16. Bà Nguyễn Thị D: Vào ngày 29/01/2008, bà Nguyễn Thị D vay số tiền là: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); Lãi suất: 0.75%/tháng; Thời hạn vay: 24 tháng (từ ngày 29/01/2008 đến ngày 29/01/2010); Mục đích vay: Tiêu dùng; Hình thức thanh toán: Trả góp hàng tháng, mỗi tháng góp 1.500.000 đồng, tháng cuối góp 900.000 đồng.

Từ tháng 02/2008 đến tháng 04/2008 và từ tháng 11/2008 đến tháng 01/2010 bà D mới thanh toán cho Ngân hàng được 18 tháng, với số tiền là: 26.400.000 đồng. Bà D còn thiếu 6 kỳ góp (từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008) với số tiền 9.000.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh.

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị D phải thanh toán toàn bộ số tiền góp còn thiếu 9.000.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh tạm tính từ khi kết thúc hợp đồng ngày 29/01/2010 đến ngày 24/12/2018 là 10.850.463 đồng.

17. Bà Nguyễn Thị H: Vào ngày 14/06/2007, bà Nguyễn Thị H vay số tiền vay: 12.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười hai triệu đồng chẵn); Lãi suất: 0.75%/tháng; Thời hạn vay: 24 tháng (từ 14/06/2007 đến 14/06/2009); Mục đích vay: Tiêu dùng; Hình thức thanh toán: Trả góp hàng tháng, mỗi tháng góp 600.000đ, tháng cuối góp 360.000 đồng

Từ tháng 7/2007 đến tháng 04/2008, Bà H thanh toán được 10 kỳ với số tiền 6.000.000đồng. Từ tháng 05/2008 đến tháng 10/2008, Bà H không thanh toán. Đến ngày 16/12/2008, Bà H thanh toán 1.200.000 đồng (tức 2 kỳ). Đến

ngày 03/06/2009, Bà Trần Thị Thu L thanh toán cho Bà H 6.660.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền Bà H đã thanh toán là 13.860.000 đồng. Bà Hương còn thiếu của Ngân hàng số tiền 300.000 đồng.

Tuy nhiên, do các bên đã thống nhất được việc trả nợ nên Ngân hàng TMCP Đ xin rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị H, đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

*** Bị đơn bà Đào Thị H trình bày:**

Bà Đào Thị H thống nhất với lời trình bày của Ngân hàng về số tiền vay, thời điểm, lãi suất và hình thức vay tiền. Mục đích vay tiền bà H chỉ đứng tên vay hộ cho bà Nguyễn Thị Kh. Hai bên thỏa thuận nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng là của bà Khang.

Theo thỏa thuận giữa tập thể Nhà trường và Ngân hàng, số tiền hàng tháng sẽ nộp lại cho thủ quỹ là bà Vương Thị B và bà B sẽ đưa tiền cho bà Trần Thị Thu L là người đại diện đi trả tiền cho Ngân hàng. Bà H thừa nhận là bà Kh không đóng trực tiếp cho Ngân hàng mà thông qua bà L. Do sơ suất giữa bà L và Ngân hàng từ tháng 5 đến tháng 10/2008, bà L chưa đóng cho Ngân hàng, việc này bà H không hề biết.

Nay, Ngân hàng yêu cầu bà H phải trả số tiền 9.000.000 đồng và lãi suất quá hạn phát sinh thì bà H không đồng ý trả số tiền trên, vì bà H được biết là bà Kh đã trả đủ số tiền trên cho Ngân hàng.

*** Bị đơn bà Lê Thị D trình bày:**

Bà Lê Thị D thừa nhận có vay của Ngân hàng Đ, chi nhánh Bình Phước số tiền là 24.000.000 đồng, lãi suất và hình thức vay, thời gian vay như bên nguyên đơn đã trình bày là đúng.

Từ tháng 02/2008 đến tháng 10/2008, toàn bộ số tiền góp trên bà D đã nộp hàng tháng cho bà Trần Thị Thu L trước đây là giáo viên của Trường tiểu học T và có ký nhận vào sổ của bà L và do bà L giữ. Vì lúc đó, Trường tiểu học T và Ngân hàng Đ thống nhất giao cho bà L thu và nộp cho Ngân hàng.

Đến tháng 11/2008, sau sự việc bà L chiếm dụng số tiền góp hàng tháng của giáo viên Trường tiểu học T và không đóng cho Ngân hàng Đ thì bà D đã nộp tiền cho bà B là thủ quỹ của Nhà trường để bà B đóng cho Ngân hàng từ tháng 11/2008 đến tháng 01/2010.

Nay, trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ, chi nhánh Bình Phước buộc bà D phải trả số tiền góp từ tháng 05/2008 đến tháng 10/2008 với số tiền là 7.200.000 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh thì bà D không đồng ý với lý do bà D đã trả đủ cho Ngân hàng Đ và khẳng định là không còn nợ Ngân hàng một khoản tiền nào nữa.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:**

Ngày 29/01/2008, bà Nguyễn Thị D có ký giấy đăng ký vay trả góp của Ngân hàng Đ, chi nhánh Bình Phước với số tiền vay là 30.000.000 đồng. Thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất là 0.75%/tháng, mỗi tháng trả góp là 1.500.000 đồng. Mục đích vay tiền để sinh hoạt trong gia đình, việc vay mượn với ngân hàng thì chồng tôi là ông Phạm Ngọc V, sinh năm 1973 cũng biết.

Theo thỏa thuận giữa tập thể Nhà trường và Ngân hàng, số tiền hàng tháng sẽ nộp lại cho thủ quỹ là bà Vương Thị B và bà Trần Thị Thu L là người đại diện cho Nhà trường sẽ mang tiền đó trả Ngân hàng. Bà D đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng, trước đây đã đóng tiền trực tiếp cho bà B và về sau thì đóng trực tiếp cho bà L, để bà L đi nộp cho Ngân hàng, Bà D không đóng trực tiếp cho Ngân hàng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Bà D phải trả số tiền 9.000.000 đồng và lãi suất quá hạn phát sinh thì Bà D không đồng ý trả số tiền trên với lý do Bà D đã trả tiền đầy đủ cho Ngân hàng.

*** Bị đơn bà Tạ Thị Nh trình bày:**

Bà Tạ Thị Nh thống nhất với lời trình bày của Ngân hàng về số tiền vay, thời điểm, lãi suất và hình thức vay tiền. Mục đích vay tiền để sinh hoạt trong gia đình, việc vay mượn với Ngân hàng thì chồng của bà Nh là ông Hà Trí D, sinh năm 1971 cũng biết.

Theo thỏa thuận giữa tập thể Nhà trường và Ngân hàng, số tiền hàng tháng sẽ nộp lại cho thủ quỹ là bà Vương Thị B và cử bà Trần Thị Thu L là giáo viên trong trường đại diện cho các giáo viên đi trả tiền cho ngân hàng. Bà Nh đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng. Bà Nh thừa nhận là không trả trực tiếp cho Ngân hàng mà đã trả tiền thông qua bà B và bà L.

Nay, Ngân hàng yêu cầu bà Nh phải trả số tiền 4.500.000 đồng và lãi suất quá hạn phát sinh thì bà Nh không đồng ý trả số tiền trên với lý do bà Nh đã trả tiền đầy đủ cho ngân hàng.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:**

Ngày 25/10/2006, bà Nguyễn Thị Th có ký giấy đăng ký vay trả góp của Ngân hàng Đ với số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất là 0,75%/tháng, mỗi tháng trả góp 750.000 đồng. Mục đích vay tiền để sinh hoạt trong gia đình, việc vay mượn với Ngân hàng thì ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1962 cũng biết.

Theo thỏa thuận giữa tập thể nhà trường và Ngân hàng, số tiền hàng tháng sẽ nộp lại cho thủ quỹ là bà Vương Thị B, sau đó bà B nộp lại cho bà Trần Thị Thu L, sau đó bà L nộp lại cho Ngân hàng. Bà Th đã thực đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng, Bà Th đã đóng tiền trực tiếp cho bà L, không đóng trực tiếp cho Ngân hàng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Bà Th phải trả số tiền 4.200.000 đồng và lãi suất quá hạn phát sinh thì Bà Th không đồng ý trả số tiền trên.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:**

Ngày 22/01/2008, bà Nguyễn Thị X có ký giấy đăng ký vay trả góp với Ngân hàng Đ với số tiền vay là 25.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất là 0,75%/tháng, mỗi tháng trả góp là 1.250.000 đồng và tháng cuối góp 750.000 đồng. Mục đích vay là sinh hoạt trong gia đình.

Hàng tháng, bà X cùng các giáo viên Trường tiểu học T thỏa thuận tập trung đóng cho bà Vương Thị B là thủ quỹ của nhà trường, sau đó bà Trần Thị Thu L là giáo viên của trường sẽ lấy tiền từ bà B để đi đóng cho Ngân hàng. Không biết lý do gì từ tháng 05/2008 đến tháng 10/2008 bà L nhận tiền từ các giáo viên nhưng lại không đóng cho Ngân hàng và Ngân hàng cũng không có ý kiến gì. Bà X cho rằng bà đã trả hết nợ cho Ngân hàng nên trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu bà phải thanh toán cho ngân hàng 06 tháng còn thiếu với số tiền 7.500.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh thì bà X không đồng ý.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Vào ngày 25/10/2006, bà Nguyễn Thị H có ký giấy đăng ký trả góp với Ngân hàng Đ với số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất là 0,75%/tháng, mỗi tháng trả góp 600.000 đồng, thời hạn vay là 24 tháng. Mục đích vay tiêu dùng.

Hàng tháng, bà H đều đóng đầy đủ số tiền trên trực tiếp cho bà Trần Thị Thu L và bà L sẽ đi nộp cho Ngân hàng theo thỏa thuận của tập thể giáo viên Trường tiểu học T.

Sau khi Ngân hàng báo cho nhà trường việc trả tiền chậm 05 tháng từ tháng 05/2008 đến tháng 10/2008 thì giữa nhà trường, bà L và Ngân hàng đã có cuộc họp thống nhất bà L đứng ra nhận trách nhiệm trước nhà trường và Ngân hàng TMCP Đ về việc đã thu tiền trả góp của giáo viên nhưng chưa đóng tiền cho Ngân hàng và cam kết trả toàn bộ cho Ngân hàng nhưng không hiểu vì lý do gì mà bà L không thực hiện cam kết của mình.

Nay, Ngân hàng Đ yêu cầu bà H thanh toán cho Ngân hàng 06 tháng còn thiếu với số tiền 3.360.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh thì bà H không đồng ý với lý do bà H đã đóng đầy đủ cho bà L đóng cho Ngân hàng.

*** Bị đơn bà Lê Thị Nh trình bày:**

Bà Lê Thị Nh thừa nhận có vay của Ngân hàng Đ số tiền là 15.000.000 đồng, lãi suất và hình thức vay, thời gian vay như nguyên đơn đã trình bày là đúng và mục đích vay để sinh hoạt gia đình. Việc vay mượn này, chồng bà Nh là ông Nguyễn Công H có biết.

Hàng tháng, bà Nh đã đóng tiền trực tiếp cho bà Trần Thị Thu L trước đây là giáo viên của Trường tiểu học T và bà L thay mặt cho tập thể giáo viên đi đóng tiền cho Ngân hàng. Bà Nh khẳng định từ tháng 05/2008 đến tháng

10/2008, bà Nh đã đóng góp đầy đủ cho bà Trần Thị Thu L. Bà Nh không trực tiếp đóng cho Ngân hàng mà thông qua bà L. Vì bà L đã được Nhà trường và Ngân hàng thống nhất cử ra thu tiền trả góp của giáo viên và nộp trực tiếp cho Ngân hàng.

Từ tháng 11/2008 đến tháng 6/2009, bà Nh không đóng cho bà L nữa mà đóng cho bà Vương Thị B là thủ quỹ của Nhà trường để bà B đóng cho Ngân hàng.

Nay, Ngân hàng Đ yêu cầu bà Nh phải thanh toán cho Ngân hàng 06 tháng còn thiếu từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008 với số tiền 4.500.000đ và lãi quá hạn phát sinh thì bà Nh không đồng ý.

*** Bị đơn bà Lê Thị H trình bày:**

Bà Lê Thị H thừa nhận có vay của Ngân hàng Đ số tiền là 12.000.000 đồng, lãi suất, hình thức vay và thời gian vay như nguyên đơn trình bày là đúng và mục đích vay là để sinh hoạt gia đình. Việc vay mượn này, ông Lương Văn T có biết.

Hàng tháng, bà H đã đóng tiền trực tiếp cho bà Trần Thị Thu L trước đây là giáo viên của Trường tiểu học T và bà L thay mặt cho tập thể giáo viên đi đóng tiền cho Ngân hàng. Việc bà H đóng tiền cho bà L có ký vào sổ của bà L và do bà L giữ.

Từ tháng 05/2008 đến tháng 10/2008, bà H đều đóng đều đặn cho bà L nhưng không biết lý do tại sao mà bà L không đóng cho Ngân hàng thì bà H không biết.

Nay, Ngân hàng Đ yêu cầu bà H phải thanh toán cho Ngân hàng 06 tháng còn thiếu từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008 với số tiền 3.360.000đ và lãi quá hạn phát sinh thì bà H không đồng ý với lý do bà H đã trả hết số tiền đã vay cho Ngân hàng.

*** Bị đơn bà Hạp Thị L trình bày:**

Bà Hạp Thị L thừa nhận có vay của Ngân hàng Đ số tiền là 28.000.000 đồng, lãi suất, hình thức vay và thời gian vay như nguyên đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên, sau khi vay tiền từ Ngân hàng về, Bà L cho bà Trần Thị Thu L trước đây là giáo viên của Trường tiểu học T vay lại số tiền nói trên. Giữa Bà L và bà L thống nhất bà L sẽ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tiền góp hàng tháng thay cho Bà L đối với khoản tiền trên. Việc thỏa thuận chỉ có bà L và Bà L thống nhất với nhau bằng miệng và không làm giấy tờ. Ngân hàng không biết việc này.

Từ khi cho bà L vay số tiền trên, Bà L không biết bà L đã trả góp được cho Ngân hàng số tiền bao nhiêu, còn lại bao nhiêu. Hiện nay, bà L đã nghỉ việc và đi đâu không rõ địa chỉ.

Nay, Ngân hàng Đ yêu cầu Bà L phải thanh toán cho Ngân hàng 06 tháng còn thiếu từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008 với số tiền là 19.380.000 đồng và

lãi quá hạn phát sinh thì bà đồng ý trả nếu Ngân hàng miễn cho Bà L toàn bộ tiền lãi trong hạn của số tiền vay nói trên.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Kh trình bày:**

Vào ngày 29/01/2008, bà Nguyễn Thị Kh có vay của Ngân hàng Đ số tiền 30.000.000 đồng. Hình thức vay trả góp mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Mục đích vay là tiêu dùng, thời hạn vay là 24 tháng.

Theo thỏa thuận giữa tập thể Nhà trường và Ngân hàng, số tiền hàng tháng sẽ nộp lại cho thủ quỹ là bà Vương Thị B và bà Trần Thị Thu L là giáo viên trường là người đại diện cho Nhà trường sẽ lấy tiền từ bà B và nộp lại cho Ngân hàng. Bà Kh đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng, bà Kh đã đóng tiền trực tiếp cho bà B và về sau thì đóng trực tiếp cho bà L, bà Kh không đóng trực tiếp cho Ngân hàng. Do sơ suất giữa bà L và Ngân hàng nên từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008, bà L chưa đóng tiền cho Ngân hàng, việc này bà Kh không biết.

Nay, Ngân hàng Đ yêu cầu bà Kh phải thanh toán cho Ngân hàng 06 tháng còn thiếu từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008 với số tiền 9.000.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh thì bà Kh không đồng ý trả số tiền nói trên.

*** Bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:**

Bà Phạm Thị H thống nhất với lời trình bày của Ngân hàng về số tiền vay, thời điểm, lãi suất và hình thức vay tiền. Mục đích vay tiền để sinh hoạt trong gia đình, việc vay mượn với ngân hàng thì ông Ninh Văn K (chồng bà H) cũng biết.

Toàn bộ số tiền vay này, hàng tháng bà H đã trực tiếp nộp cho bà Vương Thị B là thủ quỹ của Nhà trường, có ký nhận và sau đó bà B giao lại cho bà Trần Thị Thu L đi đóng tiền tại Ngân hàng theo hợp đồng. Lý do vì sao từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008, bà L không đóng tiền cho Ngân hàng thì bà H không biết.

Nay, Ngân hàng Đ yêu cầu bà H phải thanh toán cho Ngân hàng 06 tháng còn thiếu từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008 với số tiền 4.200.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh thì bà H chỉ đồng ý trả một nửa số tiền nói trên vì trong vụ án này Ngân hàng cũng có một phần lỗi là không báo cho Nhà trường về việc bà L không đóng tiền hàng tháng cho Ngân hàng theo thỏa thuận liên kết.

*** Bị đơn ông Phạm Anh T trình bày:**

Vào năm 2008, ông Phạm Anh T có vay của Ngân hàng Đ với số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất là 0,75%/tháng, thời hạn vay là 24 tháng và hình thức vay là trả góp hàng tháng, mỗi tháng trả góp 500.000 đồng. Mục đích vay để sinh hoạt trong gia đình. Việc vay mượn nói trên, vợ Ông T là bà Trương Thị Thu V có biết.

Hàng tháng, tới ngày nhận lương, Ông T có đóng tiền cho bà Trần Thị Thu L để bà L đi đóng tiền cho Ngân hàng. Một tháng đầu, lúc đưa tiền cho bà L,

Ông T có ký vào sổ của bà L nhưng sau này vì tin tưởng nên Ông T không ký nhận. Ông T đã đưa tiền cho bà L đóng đủ cho Ngân hàng.

Nay, Ngân hàng Đ yêu cầu Ông T phải thanh toán cho ngân hàng 06 tháng còn thiếu từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008 với số tiền 3.000.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh thì Ông T không đồng ý trả với lý do Ông T đã trả hết số tiền đã vay cho Ngân hàng. Trường hợp Ngân hàng đồng ý cho Ông T trả $\frac{1}{2}$ số tiền gốc còn lại thì Ông T sẽ trả cho Ngân hàng.

Ngoài ra, Ông T không có yêu cầu nào khác.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:**

Vào năm 2006, bà Nguyễn Thị X có vay trả góp tín chấp từ lương tại Ngân hàng Đ với số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất là 0,75%/tháng, mỗi tháng trả góp 500.000 đồng và tháng cuối trả góp 300.000 đồng. Mục đích vay để mua xe và sinh hoạt trong gia đình.

Hàng tháng, sau khi nhận lương xong Bà X đóng tiền cho bà Trần Thị Thu L để bà L đi đóng tiền cho Ngân hàng. Mỗi lần đưa tiền, Bà X đều ký vào sổ của bà L và bà Bửu. Bà X đã đưa đủ tiền cho bà L để đóng tiền cho Ngân hàng và hiện nay Bà X không còn nợ tiền của Ngân hàng Đ.

Nay, Ngân hàng Đ yêu cầu Bà X phải thanh toán cho ngân hàng 06 tháng còn thiếu từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008 với số tiền 2.800.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh thì Bà X không đồng ý

*** Bị đơn bà Phạm Thị L trình bày:**

Ngày 06/7/2008, bà Phạm Thị L có vay vốn trả góp tín chấp trừ lương tại Ngân hàng Đ với số tiền vay là 15.000.000 đồng, lãi suất là 0,75%/tháng. Thời hạn vay là 24 tháng. Mục đích vay để sinh hoạt gia đình. Hình thức thanh toán là trả góp mỗi tháng 740.000 đồng, tháng cuối góp 680.000 đồng. Hàng tháng, Bà L đã đóng đủ cho bà Trần Thị Thu L để bà L đóng lại cho Ngân hàng. Số tiền vay nói trên Bà L đã trả hết. Nay trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu Bà L phải trả số tiền góp còn thiếu là 2.160.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh đến nay thì Bà L không đồng ý.

*** Bị đơn bà Bùi Thúy H trình bày:**

Ngày 14/6/2007, bà Bùi Thúy H có vay tín chấp trừ lương tại Ngân hàng Đ với số tiền là 17.000.000 đồng, lãi suất là 0,75%/tháng, thời hạn vay là 24 tháng. Mục đích vay để tiêu dùng. Hình thức thanh toán trả góp hàng tháng, mỗi tháng góp 850.000 đồng, tháng cuối góp 510.000 đồng. Hàng tháng, bà H đã đóng đủ cho bà Trần Thị Thu L để bà L đóng lại cho Ngân hàng. Số tiền nói trên, bà H đã trả hết cho Ngân hàng và hiện tại không còn nợ lại. Thời điểm bà H vay tiền của ngân hàng, bà H chưa lập gia đình. Bà H cho rằng chữ ký và chữ viết Bùi Trọng Phụng tại bản cam kết là của bố bà H. Tuy nhiên, hiện tại ông Phụng đã chết và việc bà H vay tiền của Ngân hàng không liên quan đến ông Phụng.

Nay, Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu bà H phải trả số tiền góp còn thiếu là 5.100.000 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh thì bà H không đồng ý với lý do bà H đã đưa tiền đầy đủ cho bà L đóng cho Ngân hàng và hiện tại không còn nợ. Bà H cho rằng việc bà L chưa đóng tiền cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu bà L trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Thu V trình bày:

Ông Phạm Anh T là chồng của bà V. Vào năm 2008, Ông T có vay tiền của Ngân hàng Đ. Việc vay mượn này bà V có biết bởi số tiền vay về được sử dụng trong sinh hoạt gia đình.

Tại bản cam kết đề ngày 24/01/2008, chữ ký và chữ viết Trương Thị Thu V đúng là chữ ký của bà V.

Trước yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ buộc Ông T phải trả số tiền còn nợ lại là 3.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn thì bà V thống nhất với ý kiến của Ông T là trường hợp Ngân hàng đồng ý để vợ chồng bà V trả $\frac{1}{2}$ số tiền còn nợ lại thì vợ chồng bà V sẽ trả cho Ngân hàng

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Xuân H trình bày:

Ông Đinh Xuân H và bà Nguyễn Thị H trước đây là vợ chồng. Do mâu thuẫn nên ông H và bà H đã được Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho ly hôn năm 2011.

Trước đây, bà H có vay vốn tại Ngân hàng Đ. Việc bà H vay tiền về làm gì thì ông H không biết và cũng không thấy bà H nói.

Trong bản cam kết đề ngày 16/10/2006 có chữ ký và chữ viết ông Đinh Xuân H. Ông H khẳng định không phải là chữ ký và chữ viết của ông Hiếu.

Hiện tại, ông H và bà H đã ly hôn. Số tiền này bà H vay sử dụng mục đích riêng không liên quan đến ông Hiếu. Ông H đề nghị Tòa án không đưa ông H vào tham gia tố tụng trong vụ án. Do bận công việc nên ông H xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho đến khi kết thúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công H trình bày:

Ông Nguyễn Công H là chồng của bà Lê Thị Nh. Ông H thừa nhận trước đây bà Nh có vay tiền của Ngân hàng TMCP Đ từ lương, việc vay mượn về để tiêu dùng sinh hoạt gia đình. Bà Nh đã trả góp đầy đủ cho Ngân hàng thông qua bà Trần Thị Thu L.

Nay, Ngân hàng Đ yêu cầu bà Nh phải trả số tiền 06 tháng còn thiếu từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008 với số tiền 4.500.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh thì Ông H không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hà Trí D trình bày:

Ông Hà Trí D có quan hệ là chồng của bà Tạ Thị Nh. Việc bà Nh có vay tiền của Ngân hàng Đ thì ông D cũng biết, bà Nh đã trả hết số tiền đã vay của Ngân hàng cả gốc và lãi như đã thỏa thuận. Bà Tạ Thị Nh đã nộp tiền thông qua bà Bửu, bà L không nộp trực tiếp cho Ngân hàng.

Trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bà Nh phải trả lại số tiền 4.500.00 đồng và tiền quá hạn phát sinh thì ông D không đồng ý.

Ngoài ra, ông D không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn Giang trình bày:

Ông Nguyễn Tuấn Giang là chồng của bà Lê Thị D. Ngày 29/01/2008, ông G và bà D có vay của Ngân hàng Đ, chi nhánh Bình Phước số tiền 24.000.000 đồng theo hợp đồng số 009552501T08004. Mục đích vay để dùng sinh hoạt gia đình.

Hàng tháng, vào ngày nhận lương, ông G và bà D đã giao lại số tiền trả góp hàng tháng theo hợp đồng là 1.200.000 đồng cho bà Trần Thị Thu L để nộp cho Ngân hàng Đ và đã trả đủ số tiền đã vay cho Ngân hàng.

Nay, trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ yêu cầu bà D và ông G phải trả số tiền góp từ tháng 05/2008 đến tháng 10/2008 với số tiền là 7.200.000 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh thì ông G không đồng ý và đề nghị Ngân hàng Đ, chi nhánh Bình Phước thanh lý hợp đồng cho ông G và bà D.

Ngoài ra, ông G không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị B trình bày:

Từ lúc vay vốn trả góp từ Ngân hàng Đ vào ngày 06/7/2006 thì bà Trần Thị Thu L trực tiếp thu tiền và trả cho Ngân hàng Đ hàng tháng. Từ tháng 03/2008 do chuẩn bị nghỉ hè và bà B lại là thủ quỹ nên Ban giám hiệu Nhà trường có nhờ bà B thu tiền trả góp giùm. Tuy nhiên có một số giáo viên thì nộp cho bà Bửu, nhưng có một số nộp trực tiếp cho bà Trần Thị Thu L – giáo viên. Số tiền mà bà B thu giùm các cô đã giao lại cho bà L đi nộp. Tới tháng 11/2008 phía đại diện Ngân hàng Đ thông báo là Trường tiểu học T chưa nộp tiền từ tháng 5/2008 tới tháng 10/2008 thì lúc đó ở trường mới biết. Phía bên Ngân hàng Đ đã làm rõ số tiền từ tháng 5/2008 tới tháng 10/2008 bà Trần Thị Thu L giữ lại không nộp và anh Thành – nhân viên của Ngân hàng Đ đã cho bà L khát nợ. Sự việc này Trường tiểu học T không hề biết, sau đó đến tháng 11/2008 trường mới cử người đi nộp. Từ tháng 12/2008 bà B mới được cử trực tiếp lên Ngân hàng Đ nộp tiền đến khi hết hợp đồng. Sự việc trên xảy ra không liên quan tới bà B và số tiền bà trực tiếp vay vốn tại Ngân hàng Đ, bà B đã thực hiện xong nghĩa vụ nên trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ thì bà B không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu L: Qua niêm yết và xác minh bà L có hộ khẩu thường trú tại: Ấp 3, xã T, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước. Trước năm 2010, bà L có nhà đất và sinh sống tại ấp 3, xã T, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước. Từ năm 2010, do vay nợ nhiều bà L đã bán nhà đất để trả nợ và bỏ đi khỏi địa phương từ đó đến nay. Khi đi bà L không khai báo tạm trú tạm vắng nên địa phương không biết hiện tại bà L đang làm gì và ở đâu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bình Phước.

Buộc bà Phạm Thị L trả cho Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bình Phước số tiền là 5.217.922 đồng (tiền gốc là 2.133.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 27.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 3.057.922 đồng)

Buộc bà Lê Thị H trả cho Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bình Phước số tiền là 7.988.255 đồng (tiền gốc là 3.324.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 36.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 4.628.255 đồng)

Buộc bà Nguyễn Thị H trả cho Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bình Phước số tiền là 7.988.255 đồng (tiền gốc là 3.324 đồng, tiền lãi trong hạn là 36.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 4.628.255 đồng)

Buộc bà Nguyễn Thị Th trả cho Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bình Phước số tiền là 9.972.787 đồng (tiền gốc là 4.146.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 54.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 5.772.787 đồng)

Buộc bà Nguyễn Thị X trả cho Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bình Phước số tiền là 6.656.879 đồng (tiền gốc là 2.770.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 30.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 3.856.879 đồng)

Buộc bà Phạm Thị H trả cho Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bình Phước số tiền là 9.972.787 đồng (tiền gốc là 4.146.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 54.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 5.772.787 đồng)

Buộc bà Bùi Thúy H trả cho Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bình Phước số tiền là 11.679.413 đồng (tiền gốc là 5.038.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 61.200 đồng và tiền lãi quá hạn là 6.579.413 đồng)

Buộc bà Lê Thị Nh trả cho Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bình Phước số tiền là 10.305.365 đồng (tiền gốc là 4.446.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 54.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 5.805.365 đồng)

Buộc bà Tạ Thị Nh trả cho Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bình Phước số tiền là 10.305.365 đồng (tiền gốc là 4.446.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 54.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 5.805.365 đồng)

Buộc bà Lê Thị D trả cho Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bình Phước số tiền là 15.880.370 đồng (tiền gốc là 7.113.600 đồng, tiền lãi trong hạn là 86.400 đồng và tiền lãi quá hạn là 8.680.370 đồng)

Buộc bà Đào Thị H trả cho Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bình Phước số tiền là 19.850.463 đồng (tiền gốc là 8.892.000, tiền lãi trong hạn là 108.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 10.850.463 đồng)

Buộc bà Nguyễn Thị Kh trả cho Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bình Phước số tiền là 19.850.463 đồng (tiền gốc là 8.892.000, tiền lãi trong hạn là 108.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 10.850.463 đồng)

Buộc bà Nguyễn Thị D trả cho Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bình Phước số tiền là 19.850.463 đồng (tiền gốc là 8.892.000, tiền lãi trong hạn là 108.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 10.850.463 đồng)

Buộc bà Hạp Thị L trả cho Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bình Phước số tiền là 42.761.942 đồng (tiền gốc là 19.161.600 đồng, tiền lãi trong hạn là 218.400 đồng và tiền lãi quá hạn là 23.381.942 đồng)

Buộc ông Phạm Anh T trả cho Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bình Phước số tiền là 6.616.821 đồng (tiền gốc là 2.964.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 36.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 3.616.821 đồng)

Buộc bà Nguyễn Thị X trả cho Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bình Phước số tiền là 16.542.053 đồng (tiền gốc là 7.410.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 90.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 9.042.053 đồng)

Các bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa trả từ ngày 25/12/2018 cho đến khi trả xong khoản nợ.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị H trả số tiền góp còn nợ là 300.000 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh từ tháng 6/2008 cho đến ngày 24/12/2018 của Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bình Phước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 22/01/2019, các bị đơn bà Lê Thị D, bà Đào Thị H, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị D, bà Hạp Thị L, bà Nguyễn Thị Kh, bà Tạ Thị Nh, bà Bùi Thúy H, bà Lê Thị Nh, bà Phạm Thị H, bà Lê Thị H, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Th, bà Phạm Thị L, bà Nguyễn Thị X, ông Phạm Anh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước sửa bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ theo hướng buộc bà Trần Thị L phải trả số tiền trên cho Ngân hàng Đ mới đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu: Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Thư ký và HĐXX đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 26/12/2018 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Kháng cáo của các bị đơn cho rằng bản án của Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 290, Điều 471, Điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ buộc các bị đơn có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền góp còn thiếu và lãi suất theo quy định là không đúng quy định của pháp luật. Lý do: Theo hợp đồng liên kết số T06061/HĐ-TD ngày 06/7/2006, biên bản làm việc ngày 04/6/2007 giữa đại diện Ngân hàng TMCP Đ với Hiệu trưởng Trường tiểu học T thì hai bên thỏa thuận thống nhất hàng tháng từ ngày 01 đến ngày 15 cử bà Trần Thị Thu L (*thời điểm đó cũng là giáo viên của trường*) thu góp tiền của các giáo viên để đóng cho Ngân hàng. Các bị đơn đã trích nộp đủ số tiền góp hàng tháng cho bà L. Như vậy, khi các giáo viên nộp đủ tiền cho bà L là đã hoàn tất nghĩa vụ của mình. Điều này được thể hiện qua sự thỏa thuận của bà L với Ngân hàng TMCP Đ và được ghi nhận tại biên bản hòa giải thành ngày 17/4/2009 và quyết định công nhận sự thỏa thuận số 03/2009/QĐST-DS ngày 27/4/2009 của TAND huyện Đ. Mặc dù quyết định công nhận sự thỏa thuận đã bị TAND tỉnh Bình Phước tuyên hủy bỏ theo bản án giám đốc thẩm số 02/2010/DS-GĐT ngày 29/12/2010, nhưng lý do hủy là do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xác định sai tư cách bị đơn, thiếu sót người tham gia tố tụng, nhưng nội dung thỏa thuận của bà L với Ngân hàng về việc bà L phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng vẫn không thay đổi. Cụ thể, bà L đã thừa nhận có thu góp số tiền vay của 39 giáo viên trong thời gian từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008 (06 tháng), trong số đó có 16 giáo viên là các bị đơn trong vụ án này, nhưng bà L chưa nộp cho Ngân hàng TMCP Đ. Và theo thỏa thuận ngày 17/4/2009 thì bà L đã đồng ý chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền này cho Ngân hàng. Do đó, các bị đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 26/12/2018 của Toà án nhân dân huyện Đ theo hướng buộc bà Trần Thị L phải trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng Đ mới đúng.

[2] Xét thấy, giữa Ngân hàng TMCP Đ và các bị đơn có ký kết vào Giấy đăng ký vay trả góp, có chữ ký của người vay và chữ ký của người phê duyệt cho vay của Ngân hàng, trong đó có nội dung *“Khi được Ngân hàng duyệt vay và phát tiền vay, giấy đăng ký này có giá trị như khế ước nhận nợ vay của khách hàng đối với Ngân hàng”*. Căn cứ vào nội dung, và hình thức của văn bản này thì đây là quan hệ hợp đồng vay tài sản, mục đích vay là tiêu dùng, hình thức vay là trả góp hàng tháng từ lương, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất là 0,75%/tháng. Chủ thể của hợp đồng là Ngân hàng TMCP Đ và các giáo viên. Tuy nhiên, vào ngày 04/6/2007 giữa đại diện Ngân hàng TMCP Đ với Hiệu trưởng Trường tiểu học T có thỏa thuận ghi biên bản làm việc thống nhất cử bà Trần Thị Thu L (*Thời điểm này bà L cũng là giáo viên của trường*) hàng tháng thu góp tiền vay của các giáo viên nộp cho Ngân hàng trong tháng và thêm nữa giữa đại diện Ngân hàng TMCP Đ với Hiệu trưởng Trường tiểu học T có ký kết hợp đồng liên kết số T06061/HĐ-TD ngày 06/7/2006. Bà L đã thực hiện đúng theo thỏa thuận này, nhưng thời gian từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008(06 tháng) thì bà L chưa nộp cho Ngân hàng TMCP Đ, mặc dù các giáo viên đã đóng góp đầy đủ cho bà L.

[3] Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án thì giữa Ngân hàng TMCP Đ với bà Trần Thị Thu L và đại diện Trường tiểu học T có thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án và đã được TAND huyện Đ ghi nhận trong biên bản hòa giải thành ngày 17/4/2009. Theo đó bà L có chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền thu góp của 16 giáo viên Trường tiểu học T trong thời gian từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2008(06 tháng) gồm tiền gốc và tiền lãi trong hạn. Xét nội dung thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật. Như vậy, kể từ thời điểm ngày 17/4/2009 đã phát sinh chủ thể chịu nghĩa vụ với Ngân hàng là bà L, phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 281 Bộ luật dân sự 2005 và mặc nhiên phía các bị đơn cũng chấm dứt nghĩa vụ với Ngân hàng TMCP Đ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 374 Bộ luật dân sự 2005. Do Ngân hàng có yêu cầu khởi kiện các bị đơn mà không có yêu cầu khởi kiện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu L nên cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét buộc trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với bà L. Tuy nhiên, Ngân hàng TMCP Đ được quyền khởi kiện bà Trần Thị Thu L yêu cầu trả các khoản nợ theo thủ tục tố tụng dân sự. Vì vậy, cần sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Yêu cầu kháng cáo của các bị đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng TMCP Đ phải chịu theo quy định của pháp luật. Cụ thể là $221.179.601 \text{ đồng} \times 5\% = 11.071.980 \text{ đồng}$, được khấu trừ

vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Ngân hàng TMCP Đ đã nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho các bị đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn bà Lê Thị D, bà Đào Thị H, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị D, bà Hạp Thị L, bà Nguyễn Thị Kh, bà Tạ Thị Nh, bà Bùi Thúy H, bà Lê Thị Nh, bà Phạm Thị H, bà Lê Thị H, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Th, bà Phạm Thị L, bà Nguyễn Thị X, ông Phạm Anh T.

Sửa Bản án số 32/2018/DS-ST ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước

Áp dụng các khoản 6 Điều 281 khoản 1, Điều 302, Điều 305 và khoản 1, khoản 2 Điều 374 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bình Phước. Ngân hàng TMCP Đ được quyền khởi kiện bà Trần Thị Thu L yêu cầu trả các khoản nợ theo thủ tục tố tụng dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng TMCP Đ phải chịu là 11.071.980 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Ngân hàng đã nộp ở Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước, cụ thể: Số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 012222 ngày 14/6/2013; số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 012211 ngày 14/6/2013; số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 012209 ngày 14/6/2013; số tiền 650.000 đồng theo biên lai thu tiền số 012219 ngày 14/6/2013; số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 012206 ngày 14/6/2013; số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 012212 ngày 14/6/2013; số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 012207 ngày 14/6/2013; số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 012216 ngày 14/6/2013; số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 012217 ngày 14/6/2013; số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 012224 ngày 14/6/2013; số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 012204 ngày 14/6/2013; số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 012212 ngày 14/6/2013; số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 012221 ngày

14/6/2013; số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 012203 ngày 14/6/2013; số tiền 250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 012196 ngày 13/6/2013; số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 012199 ngày 13/6/2013; số tiền 250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 012195 ngày 13/6/2013.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả lại cho ông Phạm Anh T số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010698 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Nh số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010710 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Hoàn trả lại cho bà Hạp Thị L số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010712 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị L số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010713 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Hoàn trả lại cho bà Đào Thị H số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010714 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị X số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010707 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị X số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010706 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị H số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010702 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị D số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010705 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kh số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010669 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010700 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010704 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Hoàn trả lại cho bà Tạ Thị Nh số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010701 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Hoàn trả lại cho bà Bùi Thúy H số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010709 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Hoàn trả lại cho bà Đào Thị H số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010714 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010708 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010711 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện ;
- Chi cục THADS huyện ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Thanh Thảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Loan Đình Thị Quý Chi

Bùi Thanh Thảo

